

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ĐẶNG ĐÌNH ĐỨC
LÊ THỊ PHƯƠNG
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Nhận bài ngày 04/8/2026. Sửa chữa xong 05/9/2026. Duyệt đăng 23/9/2026.

Abstract

This paper assesses scientific research activities among lecturers at Quang Ninh University of Industry, examining both achievements and persistent challenges. Although these activities have improved, lecturers continue to face constraints related to research capacity, funding, facilities, and time, as well as difficulties in linking research with teaching and industry. The paper proposes measures to strengthen lecturers' research capacity, improve institutional support for research, and align research more closely with teaching and practical needs.

Keywords: Higher education, lecturers, quang Ninh University of Industry, scientific publications, scientific research.

1. Đặt vấn đề

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh phát triển theo định hướng Đào tạo - Nghiên cứu - Thực nghiệm sản xuất; Sứ mệnh: là Trường đại học đa ngành, sáng tạo tri thức mới, công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đông Bắc và cả nước; về văn hóa: Trường coi trọng tính năng động, sáng tạo, trung thực, tinh thần trách nhiệm cao và Chiến lược phát triển Trường giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 (Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2023), được ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-ĐHCNQN ngày 10/3/2023, cụ thể: "Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực có uy tín trong nước và khu vực về công nghiệp và dịch vụ theo hướng ứng dụng; Sứ mạng: Là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; là trung tâm nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ về các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ; về văn hóa: là một hệ giá trị mang tính toàn diện, bao gồm: Liêm chính - Đoàn kết - Trách nhiệm - Sáng tạo". Để thực hiện tầm nhìn, sứ mệnh của Trường, đội ngũ giảng viên (GV) phải có trình độ đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020), trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu hội nhập, yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Công tác giảng dạy, nâng cao trình độ chuyên môn và hoạt động NCKH đã được đội ngũ GV Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh tích cực thực hiện. Đây là những nhiệm vụ gắn với chức trách chuyên môn của GV theo quy định về chế độ làm việc đối với GV cơ sở giáo dục đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020). Từ thực trạng hoạt động NCKH của GV, bài viết đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của đội ngũ GV Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh trong thời gian tới. Nghiên cứu hướng đến việc hỗ trợ Nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực cho tỉnh Quảng Ninh, khu vực Đông Bắc và cả nước.

Email: dangdinhdhuc@qui.edu.vn

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Đội ngũ GV trong cơ sở giáo dục đại học gồm những nhà giáo trực tiếp thực hiện công tác giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn khác. Theo Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020), GV thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn theo vị trí việc làm. Chất lượng đội ngũ GV được thể hiện ở trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, phẩm chất nghề nghiệp, cơ cấu đội ngũ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ (Lê Thị Trúc Ngọc, 2020). Vì vậy, giảng dạy và NCKH là hai hoạt động quan trọng trong quá trình thực hiện chức trách chuyên môn của GV.

Theo Luật Khoa học và Công nghệ, khoa học là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy; trong đó NCKH là quá trình tìm tòi, phát hiện các quy luật đó nhằm tạo ra các giải pháp ứng dụng thiết thực (Quốc hội, 2013). Ở môi trường đại học (Boyer Boyer, E.L, 1990) và Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020), đề cập đến các nhiệm vụ chuyên môn của GV, trong đó có giảng dạy và NCKH. Hai hoạt động này có những đặc thù riêng nhưng vẫn có mối quan hệ nhất định trong hoạt động chuyên môn của GV. NCKH giúp nâng cao chất lượng bài giảng và trình độ chuyên môn của GV (Trần Minh Ương, 2013); (Xia, J., Droge, C., & Markland, R., 2015).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu và thống kê mô tả. Đội ngũ GV được thống kê theo trình độ đào tạo và nhóm vị trí công tác. Đối với hoạt động NCKH, nghiên cứu tập trung vào số lượng đề tài theo các cấp và các sản phẩm công bố khoa học qua từng năm học. Các công bố được phân thành ba nhóm: (1) bài báo đăng trên các tạp chí có ISSN nhưng không thuộc hệ thống Web of Science (WoS)/Scopus; (2) bài báo đăng trên các tạp chí thuộc hệ thống WoS/Scopus; và (3) bài viết trong kỷ yếu hội thảo khoa học. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để xác định số lượng, tỷ trọng và sự biến động của các chỉ tiêu qua từng năm học. Phương pháp so sánh được sử dụng để làm rõ những thay đổi về quy mô hoạt động nghiên cứu và cơ cấu các loại hình công bố trong giai đoạn khảo sát.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Thực trạng đội ngũ giảng viên và hoạt động nghiên cứu khoa học

3.1.1. Thực trạng trình độ của đội ngũ giảng viên

Giai đoạn 2015 - 2025, cơ cấu đội ngũ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh có nhiều thay đổi. Quy mô nhân sự giảm trong bối cảnh Nhà trường thực hiện tinh giản bộ máy và quy mô tuyển sinh có biến động. Trình độ chuyên môn của đội ngũ GV từng bước được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động NCKH. Theo số liệu thống kê đến tháng 10/2025 (Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2025) Nhà trường có 209 người làm việc, gồm 186 viên chức và 23 lao động hợp đồng, đạt 69,7% so với 300 chỉ tiêu được Bộ Công Thương giao. Điều này cũng tác động đến hoạt động NCKH, trước hết là nguồn kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu nội bộ. Mặc dù quy mô đội ngũ giảm, trình độ đào tạo của GV vẫn được nâng lên.

Đến năm 2025, Nhà trường có 30 GV có trình độ tiến sĩ. Đây là lực lượng có vai trò quan trọng trong hoạt động NCKH, nhất là trong việc chủ trì đề tài các cấp và tham gia công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế. Trong giai đoạn 2015–2025, Nhà trường đã thu hút 01 tiến sĩ và cử hơn 30 GV đi đào tạo tiến sĩ, trong đó 20 người đã bảo vệ thành công luận án. Nhờ đó, Nhà trường có thêm GV đủ điều kiện tham gia và chủ trì các hoạt động NCKH.

Giảng viên có trình độ thạc sĩ (134 người): Đây là nhóm chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu GV của Nhà trường. Đội ngũ này đảm nhận phần lớn nhiệm vụ giảng dạy, đồng thời tham gia các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, viết bài báo khoa học và hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài, đồ án tốt nghiệp.

Mặc dù số lượng GV có trình độ tiến sĩ đã tăng, việc phân bổ đội ngũ giữa các khoa, bộ môn vẫn chưa đồng đều. Một số ngành truyền thống có quy mô sinh viên giảm, trong khi một số ngành công nghệ mới còn thiếu GV có chuyên môn sâu để phát triển hoạt động nghiên cứu. Trong bối cảnh Nhà trường thực hiện định hướng tái cơ cấu tổ chức, việc tiếp tục nâng cao năng lực NCKH của đội ngũ GV cần được quan tâm.

3.1.2. Thực trạng về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên

Để đánh giá thực trạng năng lực và kết quả NCKH của đội ngũ GV Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, nghiên cứu tiến hành thống kê các chỉ số về số lượng đề tài/dự án các cấp và các sản phẩm công bố khoa học trong giai đoạn từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026. Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết sáng kiến cải tiến của trường được thể hiện chi tiết tại bảng 1.

Bảng 1: Kết quả hoạt động NCKH của GV Trường ĐHCNQN từ năm 2021 đến 2026

Năm học	Số đề tài - Dự án		Số bài báo		
	Cấp trường	Cấp tỉnh trở lên	WoS, Scopus	ISSN	Kỷ yếu hội thảo
2021-2022	03	01	05	13	20
2022-2023	05	0	06	23	12
2023-2024	08	0	03	35	16
2024-2025	07	0	03	33	06
2025-2026	13	0	13	37	22
Tổng	36	01	30	141	76

a. Phân tích về quy mô và năng lực thực hiện đề tài, dự án NCKH

Xét cơ cấu các đề tài nghiên cứu trong giai đoạn 2021–2026, nguồn lực dành cho hoạt động NCKH của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh vẫn chủ yếu đến từ nội bộ Nhà trường. Nguồn kinh phí ngoài ngân sách, bao gồm các quỹ và chương trình tài trợ bên ngoài, chưa được khai thác tương xứng. Thời gian tới, Nhà trường cần tăng cường huy động các nguồn lực này.

Đối với đề tài cấp Trường, số lượng đề tài nhìn chung tăng trong giai đoạn khảo sát. Năm học 2021–2022 có 3 đề tài, năm 2022–2023 có 5 đề tài, năm 2023–2024 có 8 đề tài, năm 2024–2025 có 7 đề tài và năm 2025–2026 tăng lên 13 đề tài. Tính chung giai đoạn 2021–2026, Nhà trường triển khai 36 đề tài cấp Trường. Hằng năm, các khoa, bộ môn đăng ký chỉ tiêu đề tài cấp Trường; trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành quyết định giao nhiệm vụ NCKH và thực hiện theo quy định về chế độ làm việc của GV. Cách giao chỉ tiêu theo đơn vị giúp duy trì hoạt động nghiên cứu hằng năm và có thêm GV tham gia.

Tuy nhiên, kinh phí và phạm vi thực hiện của nhiều đề tài cấp Trường còn hạn chế. Theo quy định về giao thực hiện đề tài NCKH của Nhà trường, các đề tài thuộc lĩnh vực kinh tế và khoa học xã hội có mức kinh phí phổ biến từ 10–15 triệu đồng/đề tài; các đề tài kỹ thuật có sản phẩm được bố trí khoảng 30–40 triệu đồng/đề tài (Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2024). Với mức kinh phí này, nhiều đề tài chủ yếu tập trung vào các vấn đề chuyên môn của đơn vị hoặc phạm vi nghiên cứu nhỏ. Một số đề tài dừng ở tổng quan, khảo sát hoặc giải quyết một vấn đề cụ thể, chưa tạo được nhiều sản phẩm có khả năng mở rộng phạm vi ứng dụng hoặc phát triển thành các kết quả công bố có giá trị cao.

Trong 5 năm học khảo sát, Nhà trường chỉ có 01 đề tài được thực hiện vào năm học 2021–2022; từ năm học 2022–2023 đến 2025–2026 không có thêm đề tài thuộc cấp này. Trong tổng số 37 đề tài được triển khai trong giai đoạn, đề tài cấp Tỉnh và tương đương chiếm 2,7%.

Cơ cấu này cho thấy hoạt động NCKH của Nhà trường vẫn tập trung chủ yếu ở cấp Trường. Hạn chế này ảnh hưởng đến việc mở rộng phạm vi nghiên cứu và nâng cao tính ứng dụng của các kết quả NCKH.

Trong khi đó, đề tài cấp Trường vẫn chiếm phần lớn số lượng nghiên cứu. Nhà trường vẫn cần duy trì các đề tài cấp Trường, đồng thời tăng số lượng nhiệm vụ nghiên cứu có quy mô và khả năng ứng dụng cao hơn.

b. Phân tích về cơ cấu và chất lượng công bố khoa học

Trong giai đoạn 2021–2026, toàn Trường có 247 công bố khoa học, gồm 171 bài báo đăng trên các tạp chí và 76 bài viết trong kỷ yếu hội thảo. Trong số 171 bài báo tạp chí, có 141 bài đăng trên các tạp chí trong nước có ISSN và 30 bài thuộc hệ thống WoS/Scopus.

Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước (ISSN): Số lượng bài báo tăng từ 13 bài năm học 2021–2022 lên 37 bài năm học 2025–2026. Như vậy, công bố trên các tạp chí trong nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn

trong tổng số công bố khoa học của Nhà trường. Đây cũng là hình thức công bố được giảng viên sử dụng chủ yếu trong giai đoạn 2021–2026.

Bài báo quốc tế thuộc hệ thống WoS/Scopus: Trong giai đoạn 2021–2026, toàn Trường có 30 bài báo thuộc hệ thống WoS/Scopus, chiếm 17,5% tổng số bài báo đăng trên tạp chí. Số lượng công bố giữa các năm học có sự khác nhau. Năm học 2021–2022 có 5 bài; năm 2022–2023 có 6 bài; hai năm 2023–2024 và 2024–2025 cùng có 3 bài. Đến năm học 2025–2026, số bài tăng lên 13, cao hơn tổng số công bố của ba năm học liền trước (12 bài).

Bài đăng kỷ yếu hội thảo: Trong giai đoạn 2021–2026, GV toàn Trường có 76 bài đăng trong kỷ yếu hội thảo, chiếm 30,8% tổng số công bố khoa học. Số lượng bài thay đổi giữa các năm học, thấp nhất là 6 bài năm 2024–2025 và cao nhất là 22 bài năm 2025–2026. Riêng năm học 2025–2026, số bài tăng 16 bài so với năm trước. Mức tăng này có liên quan đến việc Nhà trường tổ chức hội thảo khoa học định kỳ 2 năm/lần, nên số bài gửi đăng trong kỷ yếu cũng tăng.

3.1.3. Những hạn chế và nguyên nhân

Thứ nhất, hướng nghiên cứu của một số đề tài chưa gắn chặt với nhu cầu thực tiễn của địa phương. Do đó, kết quả nghiên cứu chưa phải lúc nào cũng phù hợp với yêu cầu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do địa phương đặt hàng. Đây là một trong những nguyên nhân khiến số lượng giảng viên tham gia và chủ trì các nhiệm vụ cấp tỉnh trở lên còn ít.

Thứ hai, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu còn hạn chế. Một số hướng nghiên cứu đòi hỏi phòng thí nghiệm, thiết bị đo và các điều kiện kỹ thuật chuyên dụng. Tuy nhiên, cơ sở vật chất hiện có của Trường vẫn chủ yếu phục vụ đào tạo và thực hành. Một số thiết bị phục vụ nghiên cứu chưa đầy đủ hoặc chưa đồng bộ, gây khó khăn khi triển khai các nghiên cứu thực nghiệm ở quy mô lớn. Hạn chế này cũng ảnh hưởng đến việc xây dựng các nhóm nghiên cứu và khả năng tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có yêu cầu cao (Nguyễn Văn Sáu, 2022).

Thứ ba, kết quả nghiên cứu chưa được sử dụng thường xuyên trong hoạt động giảng dạy. Trong giai đoạn 2021–2026, GV toàn Trường có 247 sản phẩm công bố khoa học, gồm 171 bài báo trên các tạp chí và 76 bài đăng kỷ yếu hội thảo. Trong một số trường hợp, hoạt động nghiên cứu và giảng dạy vẫn được thực hiện khá độc lập.

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên

3.2.1. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên

Hoạt động NCKH của GV Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã có chuyển biến tích cực, nhưng các đề tài vẫn chủ yếu ở cấp Trường, trong khi nhiệm vụ cấp tỉnh trở lên và công bố quốc tế còn hạn chế. Vì vậy, Nhà trường cần chú trọng nâng cao năng lực nghiên cứu, nhất là khả năng xây dựng và triển khai các đề tài có quy mô lớn (Lê Thị Thanh Thúy, 2024).

Nhà trường cần tổ chức bồi dưỡng cho GV về phương pháp nghiên cứu, xử lý số liệu, viết và công bố bài báo khoa học; đồng thời tạo điều kiện để GV tham gia hội thảo, trao đổi chuyên môn và mở rộng hợp tác nghiên cứu.

Đối với GV trẻ, cần tăng cường sự hỗ trợ của GV có kinh nghiệm thông qua việc tham gia các đề tài và nhóm nghiên cứu.

Những nghiên cứu có sản phẩm cụ thể, có khả năng chuyển giao và được thực tiễn sử dụng cần được ghi nhận và có hình thức khuyến khích phù hợp.

3.2.2. Hoàn thiện cơ chế hỗ trợ, đầu tư và khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học

Cơ sở vật chất và chính sách hỗ trợ có ảnh hưởng rõ đến khả năng triển khai nghiên cứu của GV. Vì vậy, Nhà trường cần xem xét nhu cầu của từng ngành để bổ sung phòng thí nghiệm, thiết bị nghiên cứu, phần mềm chuyên ngành, thư viện và học liệu điện tử. Với các ngành kỹ thuật và công nghệ, nên tập trung vào những thiết bị có thể phục vụ cả nghiên cứu và đào tạo.

Về chính sách hỗ trợ, Nhà trường đã quy định một số mức hỗ trợ và khen thưởng đối với hoạt động học tập, nghiên cứu và công bố khoa học của GV. Theo Quy chế chi tiêu nội bộ, GV được hỗ trợ 25–50

triệu đồng/người/lần khi làm và bảo vệ luận án tiến sĩ; mức khen thưởng đối với trường hợp được công nhận chức danh Phó Giáo sư, Giáo sư là 100–200 triệu đồng/người/lần. Đối với bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục WoS hoặc Scopus từ Q1 đến Q4, mức khen thưởng từ 2–5 triệu đồng/bài (Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2025). Các mức hỗ trợ và khen thưởng này cần được xem xét định kỳ để phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu phát triển hoạt động nghiên cứu của Nhà trường.

Nhà trường cần công khai các mức hỗ trợ, tiêu chí xét thưởng và quy trình thực hiện để GV thuận lợi khi tiếp cận và sử dụng các chính sách này.

3.2.3. Gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo và nhu cầu của doanh nghiệp

Với định hướng phát triển theo mô hình cơ sở giáo dục đại học ứng dụng, nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh cần gắn với hoạt động đào tạo và những yêu cầu đặt ra từ doanh nghiệp, địa phương. Các vấn đề trong sản xuất, kỹ thuật và quản lý là cơ sở thực tiễn để lựa chọn nội dung nghiên cứu. Ngược lại, những kết quả nghiên cứu phù hợp được đưa vào bài giảng, các giờ thực hành và áp dụng vào sản xuất.

Trong năm 2025, Nhà trường đã phối hợp với hơn 30 doanh nghiệp, cơ quan và đơn vị, trong đó có Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Đông Bắc và một số doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực cơ khí, điện lực, công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. 15 đề tài và dự án được triển khai với sự tham gia hoặc đặt hàng trực tiếp của doanh nghiệp (Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2025). Qua đó, hoạt động NCKH của Nhà trường đã từng bước gắn với thực tế sản xuất và nhu cầu của doanh nghiệp.

Trong năm 2025, trên 120 lượt GV đã tham gia khảo sát, thực tế hoặc phối hợp chuyên môn tại doanh nghiệp [12]. Qua các hoạt động này, GV có thêm thông tin thực tế về công nghệ, quy trình sản xuất và yêu cầu đối với người lao động. Những thông tin này cần được khai thác trong quá trình cập nhật nội dung học phần, lựa chọn hướng nghiên cứu và xây dựng các tình huống thực tế phục vụ giảng dạy.

Bên cạnh việc triển khai nghiên cứu, cần quan tâm đến việc đưa kết quả nghiên cứu vào hoạt động đào tạo.

3.2.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao năng lực số của giảng viên

Chuyển đổi số ngày càng được quan tâm trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học. Trong thời gian qua, Nhà trường đã tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng cho GV về sử dụng công nghệ trong giảng dạy và nghiên cứu. Nội dung tập huấn tập trung vào khai thác các công cụ số, xây dựng học liệu điện tử, sử dụng phần mềm chuyên môn và ứng dụng công nghệ trong NCKH. Tuy vậy, mức độ sử dụng và khai thác các công cụ này giữa các GV chưa đồng đều, nhất là ở các kỹ năng thiết kế học liệu số, xử lý dữ liệu nghiên cứu và khai thác cơ sở dữ liệu khoa học.

Các lớp tập huấn kỹ năng số nên tập trung vào những việc GV sử dụng thường xuyên trong giảng dạy và nghiên cứu, như thiết kế bài giảng điện tử, xây dựng học liệu, tìm kiếm tài liệu khoa học, sử dụng phần mềm chuyên ngành và xử lý dữ liệu. Đối với các công cụ trí tuệ nhân tạo, GV cần biết cách sử dụng và kiểm tra lại thông tin trước khi đưa vào bài giảng hoặc công trình nghiên cứu. Nội dung tập huấn cũng cần đề cập đến bản quyền, trích dẫn nguồn và trách nhiệm của người sử dụng.

Các khoa, bộ môn có thể xây dựng kho học liệu chung, trong đó tài liệu được chia sẻ và cập nhật thường xuyên. Cách làm này hạn chế tình trạng mỗi GV tự xây dựng lại những tài liệu đã có. Trong quản lý, trước mắt nên ưu tiên các khâu xử lý hồ sơ, trao đổi thông tin và lưu trữ dữ liệu. Thực hiện những công việc này trên nền tảng số sẽ giảm thời gian dành cho các thủ tục hành chính, qua đó giảng viên có thêm thời gian cho chuyên môn.

Hằng năm, các khoa, bộ môn nên rà soát lại kỹ năng số của GV thông qua công việc thực tế và nhu cầu sử dụng. Những nội dung nhiều GV còn lúng túng thì đưa vào chương trình bồi dưỡng; những nội dung đã sử dụng thành thạo thì không cần tập huấn lại theo cách cũ.

3.2.5. Xây dựng môi trường học thuật và mở rộng hợp tác nghiên cứu

Nhà trường đã xây dựng một số nhóm nghiên cứu theo lĩnh vực chuyên môn. Tuy nhiên, các nhóm

chưa duy trì được hoạt động thường xuyên, việc trao đổi giữa các thành viên còn ít và chưa có nhiều đề tài được triển khai theo nhóm. Một số nhóm hoạt động còn mang tính hình thức, chưa phát huy được vai trò tập hợp GV cùng nghiên cứu. Thực tế này cho thấy việc tổ chức và quản lý hoạt động NCKH theo nhóm cần được quan tâm hơn (Trương Thị Diễm, & Lê Văn Toán, 2020). Thời gian tới, các khoa, bộ môn nên rà soát cách tổ chức và hoạt động của từng nhóm, phân công người phụ trách và xác định những nội dung nghiên cứu cụ thể.

Các hoạt động trao đổi chuyên môn cũng giúp GV trẻ và những người mới tham gia nghiên cứu tích lũy thêm kinh nghiệm. Họ có thể trao đổi với đồng nghiệp về cách chọn vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương, xử lý số liệu và hoàn thiện bài viết trước khi công bố. Nhà trường cũng cần mở rộng hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và chuyên gia bên ngoài.

4. Kết luận

Thực tế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh cho thấy đội ngũ GV đã có những chuyển biến về chuyên môn và NCKH. Nhiều GV đã tham gia nghiên cứu, công bố kết quả và đưa một phần kết quả nghiên cứu vào giảng dạy. Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế. Thời gian tới, Nhà trường cần quan tâm hơn đến chất lượng công trình và việc sử dụng kết quả nghiên cứu sau khi đề tài kết thúc. Các khoa, bộ môn cần duy trì nhóm nghiên cứu, tăng trao đổi chuyên môn và chủ động tìm kiếm cơ hội phối hợp với doanh nghiệp, trường đại học và viện nghiên cứu. GV cũng cần chủ động cập nhật kiến thức, sử dụng công nghệ trong nghiên cứu và lựa chọn những kết quả phù hợp để bổ sung vào bài giảng. Những vấn đề nảy sinh trong quá trình dạy học, thực tập và sản xuất cũng nên được xem xét khi lựa chọn đề tài nghiên cứu mới.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 quy định chế độ làm việc đối với giảng viên cơ sở giáo dục đại học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01/10/2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập*.
- Boyer, E.L (1990). *Scholarship reconsidered: Priorities of the professoriate*. The Carnegie Foundation for the Advancement of Teaching.
- Lê Thị Trúc Ngọc (2020), Phát triển đội ngũ giảng viên các trường đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học hiện nay, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 512, tr. 88–93.
- Lê Thị Thanh Thủy (2024). Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên đáp ứng chuẩn đầu ra người học tại các trường đại học, *Tạp chí Giáo dục*, tập 24, số 3, tr. 15–20.
- Nguyễn Văn Sáu (2022). Một số rào cản trong hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học hiện nay và giải pháp khắc phục, *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, tập 14, số 8, tr. 45–51.
- Quốc hội (2013), *Luật Khoa học và Công nghệ*. Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/06/2013.
- Trần Minh Ương (2013). Mối quan hệ giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên đại học. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 16, số 2, tr. 35–42.
- Trương Thị Diễm, Lê Văn Toán (2020). Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên đại học trong thời kỳ mới, *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, tập 12, số 5, tr. 62–68.
- Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (2023). *Nghị quyết số 08/QĐ-ĐHCNQ ngày 10/03/2023 về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035*.
- Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (2024). *Quyết định số 146a/QĐ-ĐHCNQ ngày 05/03/2024 về việc giao thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học*.
- Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (2025), *Báo cáo số 293/BC-ĐHCNQ ngày 09/09/2025 về việc Tổng kết công tác đào tạo năm học 2024-2025 và triển khai nhiệm vụ năm học 2025-2026*.
- Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (2025). *Quyết định số 166/QĐ-ĐHCNQ ngày 19/02/2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ*.
- Xia, J., Droge, C., & Markland, R (2015), The impact of research on teaching quality in higher education: An empirical study, *Journal of Education for Business*, Volume 40, Issue 8, 210–218.